

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:105/2018/HSST
Ngày 27 tháng 7 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Thanh Hà**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Tô Thị Lành**
Ông **Trần Viết Trà**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị L Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hoài Phương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 80/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đ, sinh năm 1989 tại Thái Bình, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở: Tổ 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không;

Con ông Nguyễn Thành K - Sinh năm 1958 và bà Quách Thị H - Sinh năm 1965;

Cha, mẹ của bị cáo trú tại: Khu phố 3, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có 01 người em cùng cha khác mẹ, sinh năm 1996.

Vợ: Đặng Thị B (là bị cáo trong vụ án này).

Bị cáo có 02 người con, sinh năm 2014 và 2016.

Tiền án: 02 lần (Bản án số 92 ngày 06/12/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước, đã tuyên phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và Bản án số 50/2017 ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước, đã tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Do Đ trốn thi hành án phạt tù đã tuyên tại Bản án số 50/2017 ngày 23/5/2017 nên ngày 10/01/2018, Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Bình Phước đã ra Quyết định truy nã).

Tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Đ bị tạm giữ từ ngày 14 tháng 01 năm 2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Thị B, sinh năm 1992 tại Bình Phước, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở: Tổ 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông Đặng Văn T - Sinh năm 1960; và bà Phan Thị A - Sinh năm 1967;

Bị cáo có 01 người em ruột, sinh năm 1994.

Chồng: Nguyễn Đ (là bị cáo trong vụ án này).

Bị cáo có 02 con, sinh năm 2014 và sinh năm 2016.

Tiền án: 01 lần (Bản án số 50/HSST/2017 ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước, đã tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”).

Tiền sự: Không.

Bị cáo Đặng Thị B đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Chị Nguyễn Đỗ Q; sinh năm: 1978; địa chỉ: 49/14/4 đường Đ, Tổ 4, phường K, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Chị Phạm L; sinh năm: 1962; địa chỉ: 31/20 đường D, tổ 2, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Chị Đặng Thị L; sinh năm: 1977; địa chỉ: Thôn 3, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Chị Trần Thị P; sinh năm: 1974; địa chỉ: 122 đường Đ, Tổ 5, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Chị Phan Thị L; sinh năm: 1981; địa chỉ: 25/25 đường P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Tất cả những người bị hại đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn V, sinh năm 1987; địa chỉ: 358 đường T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/11/2017, Nguyễn Đ cùng vợ là Đặng Thị B trao đổi thống nhất với nhau về việc cùng nhau đi đến các cây ATM trên địa bàn thành phố P, tìm có người rút tiền thì bám sát theo sau, chờ người đó dừng chỗ nào rồi vào mua đồ thì Đ dừng xe, cho B cảnh giới, còn Đ ở ngoài cạy cốp xe để lấy tài sản. Từ ngày 21/11/2017 đến ngày 14/01/2018, Đ và B đã cùng nhau thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ ngày 21/11/2017, Nguyễn Đ điều khiển xe mô tô Wave màu đỏ (không rõ biển số) chở vợ là Đặng Thị B đến khu vực ngã ba H, thành phố P, thấy chị Nguyễn Đỗ Q (sinh năm 1978, trú tại Tổ 04, phường K, thành phố P, tỉnh Gia Lai) điều khiển xe mô tô SH mode biển số 81B1-639.85 nên Đ điều khiển xe mô tô đi theo sau. Khi đi đến trước nhà nghỉ Hoa Đêm tại số 01 đường L, phường Đ, thành phố P, thấy chị Q dựng xe ở phía trước rồi đi vào trong thì Đ cũng dừng xe lại. Lúc này, Đ nói B đứng ở phía trước nhà nghỉ quan sát chị Q, còn Đ đi đến vị trí xe của chị Q, dùng tay trái kéo mạnh cốp xe lên rồi dùng tay phải móc vào trong cốp xe lấy được 01 ví da, bên trong có đựng 22.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại Iphone 6S pluss màu xám, 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đỗ Q và 02 giấy nộp tiền. Sau đó, Đ điều khiển xe chở B đi về. Khi đi đến cuối đường T thì Đ dừng xe lại đi vệ sinh, rồi lấy số tiền 16.000.000 đồng cất giữ cùng chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S pluss, còn đưa cho B 6.000.000 đồng cùng chiếc ví da bên trong có các giấy tờ nêu trên. Đến ngày 16/3/2018, thì B đã giao nộp chiếc ví da màu vàng đậm hiệu Gucci, kích thước (25x10)cm, 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đỗ Q, 02 giấy nộp tiền tại Ngân hàng Agribank cho Cơ quan điều tra. Đối với chiếc điện thoại, Đ đã mang đến một tiệm điện thoại (không rõ địa điểm) trên đường D, phường T, thành phố P, bán được 4.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành cho bị can Đ đi xác định địa điểm - nơi Đ đã bán chiếc điện thoại nhưng bị can không xác định được địa điểm nên không thu hồi được. Qua định giá, kết luận: Chiếc ví da màu vàng đậm hiệu Gucci, kích thước (25x10)cm, đã trừ khấu hao có trị giá 120.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 6S pluss đã trừ khấu hao có trị giá là 5.800.000 đồng. Sau khi định giá xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả cho chị Q chiếc ví da cùng 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đỗ Q và 02 giấy nộp tiền tại Ngân hàng Agribank. Đối với số tiền đã chiếm đoạt của chị Q thì Đ đã dùng 12.000.000 đồng để mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Click biển số 81K8-7350; số tiền còn lại, Đ và B sử dụng vào việc chi tiêu ăn uống hàng.

Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 14/12/2017, Đ điều khiển xe mô tô Wave màu đỏ (không rõ biển số) chở B đến ngã ba H, thành phố P thì thấy bà Phạm L (sinh năm 1962, trú tại Tổ 02, phường H, thành phố P) đang rút tiền tại cây ATM. Sau đó, bà L đã cất tiền cùng chiếc điện thoại di động vào trong túi ni lon rồi bỏ vào trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Jupiter biển số 81B1-1378 rồi điều khiển xe mô tô đi trên đường C. Lúc này, Đ điều khiển xe chở B đi theo sau. Khi đi đến tiệm tạp hóa Bích Hương tại số 96 đường C, Tổ 04, phường H, thành phố P, thấy bà L dựng xe phía trước, rồi vào trong tiệm mua đồ nên Đ điều khiển xe đến dựng sát gần chiếc xe của bà L. Sau đó, B xuống xe đứng gần cửa tiệm quan sát bà L, còn Đ dùng trái kéo yên xe lên, tay phải móc vào trong cốp xe lấy được bì ni lon bên trong có đựng 2.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại Sony Xperia Ultra, màu đen, 01 điện thoại Viettel màu đen và 02 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV. Sau khi lấy được số tài sản này, Đ chở B về nhà. Số tiền 2.000.000 đồng đã lấy được thì Đ đưa cho B cất giữ. Đối với 02 điện thoại thì Đ mang bán tại một cửa hàng (không rõ địa điểm) trên đường D, thành phố P, được 3.000.000 đồng. Toàn bộ

số tiền này, Đ và B đã sử dụng vào việc chi tiêu ăn uống hàng ngày. Đối với 02 thẻ ATM thì Đ mang vứt trước bãi đất trống trên đường T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã cho bị can Đ xác định địa điểm - nơi Đ vứt 02 thẻ ATM nhưng không thu giữ được. Qua định giá, kết luận: 01 điện thoại Sony Xperia Ultra, màu đen, đã trừ khấu hao có trị giá là 2.500.000 đồng. Riêng chiếc điện thoại di động hiệu Viettel màu đen, không thu hồi được, không rõ chủng loại nên Hội đồng định giá không kết luận được trị giá.

Vụ thứ ba: Khoảng 16 giờ ngày 24/12/2017, Đ điều khiển xe Wave màu đỏ (không rõ biển số) chở B đến ngã ba H, thành phố P thì thấy chị Đặng Thị L (sinh năm 1977, trú tại Thôn 03, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai) đang rút tiền tại cây ATM. Sau khi rút tiền, chị L đi ra bỏ tiền vào trong cốp xe nhãn hiệu Sirius biển số 81T3-2482 rồi điều khiển xe mô tô đi xuống đường C. Lúc này, Đ điều khiển xe mô tô chở B đi theo sát chị L. Khi đi đến tiệm tạp hóa Thủy ở số 98 đường C, Tổ 04, phường H, thành phố P thì chị L dựng xe phía trước rồi vào trong tiệm mua đồ nên Đ đến dựng xe sát gần xe của chị L. Sau đó, B xuống xe đứng gần cửa tiệm quan sát, cảnh giới chị L để cho Đ ở ngoài dùng tay trái kéo yên xe lên, tay phải móc vào trong cốp xe lấy được 01 ví da màu vàng bên trong có 02 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV, 01 chứng minh nhân dân, 01 bảo hiểm xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Đặng Thị L và 01 ví da màu xám bên trong có đựng 7.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7. Sau đó, Đ chở B đi về đến đoạn gần cầu sắt đường C thì dừng lại. Tại đây, Đ mở ví lấy hết số tiền và chiếc điện thoại, còn 02 ví da cùng giấy tờ thì Đ vứt tại một bụi cây gần đó. Đối với chiếc điện thoại di động thì Đ đã bán tại một tiệm điện thoại (không rõ địa điểm) trên đường D, được số tiền 2.500.000 đồng và Đ cất giữ. Toàn bộ số tiền này, Đ và B đã sử dụng vào việc chi tiêu ăn uống hàng ngày. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã cho bị can Đ đi xác định địa điểm nơi Đ vứt 02 ví da cùng giấy tờ nhưng không thu hồi được. Qua định giá, kết luận: 01 điện thoại Samsung J7 Prim màu trắng, đã trừ khấu hao có trị giá là 4.000.000 đồng. Riêng 02 chiếc ví da không rõ hiệu, không thu hồi được và bị hại không cung cấp được đặc điểm, chủng loại cụ thể nên Hội đồng định giá không kết luận được trị giá.

Vụ thứ tư: Khoảng 15 giờ ngày 06/01/2018, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Click biển số 81K8-7350 chở B đến cây ATM ở ngã ba H, thành phố P thì thấy chị Trần Thị P (sinh năm 1974, trú tại Tổ 05, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai) đang rút tiền. Sau đó, chị P đi ra bỏ tiền vào trong cốp xe mô tô nhãn hiệu AirBlade biển số 81B1-135.36 rồi điều khiển xe đi. Lúc này, Đ điều khiển xe chở B đi theo sát phía sau chị P. Khi đi đến tiệm giày dép Bảo Nhi ở số 42 đường C, phường H, thành phố P, thấy chị P dựng xe phía trước rồi đi vào trong tiệm thì Đ đi đến dựng xe sát xe mô tô của chị P. Sau đó, B xuống xe đi vào đứng gần cửa tiệm quan sát, cảnh giới chị P để cho Đ ở ngoài dùng tay kéo yên xe lên và thò tay vào cốp xe của chị P lấy được 01 ví da màu xanh bên trong có đựng 12.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV, rồi Đ chở B đi về. Khi đi đến khu vực phường Đ, thành phố P thì dừng lại. Tại đây, Đ lấy hết số tiền, còn chiếc ví da và thẻ ATM thì Đ vứt đi. Số tiền lấy được, Đ và B cất giữ sử dụng vào việc chi

tiêu ăn uống hàng ngày. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã cho bị can Đ đi xác định địa điểm - nơi Đ vứt chiếc ví da và thẻ ATM nhưng không thu hồi được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành trưng cầu định giá đối với chiếc ví da nhưng do không thu hồi được và bị hại cũng không cung cấp được đặc điểm, chủng loại cụ thể nên Hội đồng định giá không kết luận được trị giá.

Vụ thứ năm: Khoảng 09 giờ 40 phút ngày 14/01/2018, Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Click biển số 81K8-7350 chở B đến cây ATM ở ngã ba H, thành phố P thì thấy chị Phan Thị L (sinh năm 1981, trú tại Tổ 04, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai) đang rút tiền. Sau đó, chị L đi ra bỏ tiền vào cốp xe mô tô nhãn hiệu Lead biển số 81B1-188.51 rồi điều khiển xe đi. Lúc này, Đ điều khiển xe mô tô chở B đi theo sát phía sau chị L. Khi đi đến trước Shop đồ Hana Kids tại 58 đường C, Tổ 04, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy chị L dựng xe mô tô trên vỉa hè rồi vào trong mua đồ thì Đ đi đến dựng xe sát xe của chị L. Sau đó, B xuống xe đứng trước cửa tiệm để quan sát, cảnh giới chị L, còn Đ ở ngoài dùng tay kéo yên xe lên rồi thò tay vào trong cốp xe mô tô của chị L lấy được 01 ví da nữ màu xanh viền vàng, có kích thước (15x11)cm bên trong có đựng 19.559.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khi Đ chuẩn bị cất giấu chiếc ví cùng số tiền lấy được vào túi quần thì bị lực lượng Công an phường H đi tuần tra phát hiện. Công an phường H đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Đ và thu giữ cùng tang vật, gồm: 01 ví da nữ màu xanh viền vàng, có kích thước (15x11)cm có dòng chữ THA LAN cùng số tiền 19.559.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Click màu đỏ biển số 81K8-7350. Đối với B, khi thấy lực lượng Công an phường H dẫn Đ về trụ sở để lập biên bản thì B không đi cùng Đ. Đến 10 giờ 15 phút cùng ngày 14/01/2018, B ra đầu thú. Sau đó, Công an phường H chuyển Đ cùng hồ sơ vụ án và tang vật đến Công an thành phố P để điều tra và xử lý. Qua định giá, kết luận: 01 ví da đã trừ khấu hao có trị giá 100.000 đồng. Sau khi định giá xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại ví da cùng số tiền 19.559.000 đồng cho chị Phan Thị L. Hiện chị L không yêu cầu bồi thường gì.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ (không rõ biển số) mà bị cáo Đ sử dụng đi trộm cắp tài sản là của bị cáo Đ, do bị cáo Đ mua trước đó nhưng không nhớ mua của ai và ở đâu. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp vụ thứ ba xong thì bị cáo Đ đã bán cho người khác không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81K8 - 7350 nhãn hiệu Click màu đỏ mà Nguyễn Đ và Đặng Thị B sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp ở vụ thứ tư và vụ thứ năm, quá trình điều tra xác định: Chiếc xe này là do bị cáo Đ mua tại cửa hàng kinh doanh xe máy Hải Trung (ở số nhà 237 đường V, thành phố P) vào ngày 06/01/2018, với giá 12 triệu đồng. Số tiền dùng để mua chiếc xe này là do trộm cắp được của chị Nguyễn Đỗ Q nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Đỗ Q yêu cầu bồi thường số tiền 31.000.000 đồng; bị hại Phạm L yêu cầu bồi thường số tiền 5.200.000 đồng; bị hại Đặng Thị L yêu cầu bồi thường số tiền 13.800.000 đồng và bị hại Trần Thị P yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000 đồng. Hiện các bị cáo Nguyễn Đ và Đặng Thị B chưa bồi thường gì.

Tại Bản cáo trạng số 86/CT - VKS ngày 10/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Đ về tội: “**Trộm cắp tài sản**” theo quy định tại các điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Đặng Thị B về tội “**Trộm cắp tài sản**” theo quy định tại các điểm b, c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đ và Đặng Thị B phạm tội ‘Trộm cắp tài sản’; đề nghị:

Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Đ mức án từ 48 đến 54 tháng tù.

+Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự 2015 về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt 12 tháng tù tại bản án số 50/HSST/2017 ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án với mức án từ 60 đến 66 tháng tù.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Đặng Thị B mức án từ 30 đến 36 tháng tù.

+Căn cứ Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù tại bản án số 50/HSST/2017 ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án với mức án từ 39 đến 45 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015; buộc các bị cáo Đ, B phải bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Đỗ Q số tiền: 27.800.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Phạm L số tiền: 4.500.000 đồng
- Bồi thường cho bị hại Đặng Thị L số tiền: 11.000.000 đồng
- Bồi thường cho bị hại Trần Thị P số tiền: 12.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: đối với xe mô tô biển số 81K8- 7350 mà các bị cáo dùng tiền trộm cắp được của chị Q để mua cần tiếp tục bảo thủ để thi hành án cho chị Q.

Về án phí: buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận có các hành vi trộm cắp như cáo trạng đã nêu, nhận thấy các hành vi đó của mình là sai trái, vi phạm pháp luật; các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Đ, Đặng Thị B phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/11/2017 đến ngày 14/1/2018 tại địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai, Nguyễn Đ cùng vợ là Đặng Thị B đã trao đổi thống nhất với nhau về việc cùng đi đến các cây ATM trên địa bàn thành phố P tìm có người rút tiền thì bám sát theo sau, chờ người đó dừng chỗ nào rồi vào mua đồ thì Đ dừng xe, cho B cảnh giới, còn Đ ở ngoài cạy cốp xe để lấy tài sản. Tổng cộng Đ và B đã cùng nhau thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản. Tài sản chiếm đoạt được gồm 62.559.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, 03 điện thoại di động các loại có trị giá 12.300.000 đồng, 02 ví da có trị giá 220.000 đồng. Tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt được là 75.079.000 đồng cùng 02 ví da không kết luận được trị giá và một số giấy tờ. Đến 09h50' ngày 14/1/2018 khi Đ và B vừa thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong cốp xe mô tô của chị Phan Thị L thì bị lực lượng công an phường H đi tuần tra phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ cùng tang vật. Riêng B, khi thấy Công an dẫn Đ về trụ sở để lập biên bản thì không đi cùng nhưng sau đó đã ra đầu thú.

[3] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản như trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Đ đóng vai trò là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo B đóng vai trò là người cảnh giới, giúp sức cho bị cáo Đ. Các bị cáo không có nghề nghiệp, có nhân thân xấu, đều có tiền án về tội “ Trộm cắp tài sản”, (bị cáo Đ trốn thi hành án phạt tù theo bản án số 50/2017/HHST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước nên Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Bình Phước đã ra Quyết định truy nã. Bị cáo B tiếp tục phạm tội trong thời gian thử thách án treo). Các bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục đến địa bàn thành phố P trộm cắp tài sản, các bị cáo sử dụng số tiền do phạm tội mà có làm nguồn sống chính; tài sản đã chiếm đoạt được có tổng giá trị là 75.079.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng là “ Có tính chất chuyên nghiệp” và “ Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”, quy định tại các điểm b, c

khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung 2017. Đối với bị cáo Nguyễn Đ đã “tái phạm” lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp “ Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS 2015, được sửa đổi, bổ sung 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Nguyễn Đ về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 BLHS 2015, truy tố bị cáo Đặng Thị B về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 173 BLHS 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Do bị cáo Nguyễn Đ trốn thi hành án phạt 12 tháng tù tại bản án số 50/2017/HSST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước nên theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự Tòa án nhân dân thành phố P sẽ tổng hợp hình phạt đối với bản án trên. Do bị cáo thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 là “ Phạm tội 02 lần trở lên”

Đối với bị cáo Đặng Thị B đang chấp hành mức án phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 50/2017/HSST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội trong thời gian thử thách, do vậy lần phạm tội này là “ Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 là “ Phạm tội 02 lần trở lên”. Do đó, theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 Tòa án buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù theo bản án số 50/2017/HSST ngày 23/5/2017 nêu trên và tổng hợp với hình phạt tại bản án này.

[4] Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Đ sau khi bị bắt đã tự thú nhận các hành vi phạm tội trước đó, bị cáo B sau khi phạm tội đã ra đầu thú và tự khai nhận các hành vi phạm tội trước đó. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự: Tại đơn xin vắng mặt các bị hại có yêu cầu cụ thể như sau:

- Bị hại Nguyễn Đỗ Q yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại số tiền bị mất là 22.000.000 đồng và trị giá chiếc điện thoại Iphone 6S Pluss là 5.800.000 đồng.
- Bị hại Phạm L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền bị mất là 2.000.000 đồng và trị giá chiếc điện thoại là 2.500.000 đồng.
- Bị hại Đặng Thị L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền bị mất là 7.000.000 đồng và trị giá chiếc điện thoại Sam sung J7 Prim là 4.000.000 đồng.
- Bị hại Trần Thị P yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 12.000.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu của các bị hại là chính đáng nên chấp nhận và buộc các bị cáo Đ, B phải liên đới bồi thường cho các bị hại.

Riêng bị hại Phan Thị L đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm và không có yêu cầu thì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: đối với chiếc xe mô tô biển số 81K8- 7350 mà các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện để phạm tội ở vụ thứ 4 và 5, quá trình điều tra xác định chiếc xe này do bị cáo Đ dùng tiền trộm cắp được của chị Nguyễn Đỗ Q để mua với giá 12.000.000 đồng. Do vậy cần tiếp tục bảo thủ để đảm bảo thi hành án cho chị Q.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt

- Căn cứ điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 56; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Nguyễn Đ phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ 48 (bốn mươi tám) tháng tù;

Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù tại bản án số 50/HSST/2017 ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: 14/1/2018 (bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 04/01/2017 đến ngày 25/01/2017);

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Đặng Thị B phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Đặng Thị B 36 (ba mươi sáu) tháng tù;

Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại bản án số 50/HSST/2017 ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 45 (bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015: buộc các bị cáo Nguyễn Đ, Đặng Thị B phải bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Đỗ Q số tiền là 27.800.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Phạm L số tiền là 4.500.000 đồng
- Bồi thường cho bị hại Đặng Thị L số tiền là 11.000.000 đồng
- Bồi thường cho bị hại Trần Thị P số tiền là 12.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Tiếp tục bảo thủ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Nữ, màu đỏ, đen, biển số 81K8- 7350; số khung 45896, số máy 45795; kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Huỳnh Ngọc Sương (để đảm bảo phần bồi thường dân sự cho bị hại Nguyễn Đỗ Q).

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/7/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P và Công an thành phố P)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án, xử buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.382.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thanh Hà

